



TÀI LIỆU TN KTCT

TÀI LIỆU TRẮC NGHIỆM KINH TẾ CHÍNH TRỊ W10-W15

Giảng viên hướng dẫn: Nguyễn Thị Phương Dung

*Biên soạn: Tài liệu HUST***XI. TUẦN SỐ 11****Câu 1. Kinh tế thị trường định hướng Xã hội chủ nghĩa là nền kinh tế vận hành theo cơ chế thị trường?****A. Đúng**

B. Sai

Câu 2. Kinh tế thị trường định hướng Xã hội chủ nghĩa là nền kinh tế mở và hội nhập. Đúng hay Sai?**A. Đúng**

B. Sai

Câu 3. Trong nền KTTT định hướng XHCN, hình thức phân phối thu nhập nào là chủ đạo?

A. Phân phối theo phúc lợi

B. Phân phối theo vốn góp

C. Phân phối theo lao động

D. Tất cả đều sai

Câu 4. Thành phần kinh tế nào nắm vai trò chủ đạo trong nền KTTT Tư bản chủ nghĩa?

A. Kinh tế Nhà nước

B. Kinh tế hỗn hợp

C. Kinh tế tư nhân

D. Kinh tế có vốn đầu tư của nước ngoài

Câu 5. Mục đích của KTTT định hướng Xã hội chủ nghĩa là:

A. Xây dựng CSVCKT của CNTB; đặt lợi ích của các Tập đoàn tư bản lên trên

B. Lợi nhuận độc quyền cao; đặt lợi ích của nhân dân lên trên

C. Xây dựng CSVCKT đạt năng suất cao; đặt lợi ích của các Tập đoàn tư bản lên trên

D. Xây dựng CSVCKT của CNXH; đặt lợi ích của nhân dân lên trên**Câu 6. Trong nền KTTT Tư bản chủ nghĩa, hình thức phân phối thu nhập nào là chủ đạo?**

A. Phân phối theo lao động

B. Phân phối theo vốn góp

C. Phân phối theo phúc lợi

D. Tất cả đều sai

Câu 7. Kinh tế thị trường Tư bản chủ nghĩa ưu tiên đảm bảo quyền lợi của ai?

A. Giai cấp công nhân

B. Giai cấp nông dân

C. Giai cấp tư sản

D. Nhân dân lao động

Câu 8. Nền KTTT định hướng XHCN được vận hành theo:

A. Cơ chế thị trường định và sự điều tiết của Nhà nước định hướng XHCN

B. Hệ thống tự điều tiết thông qua các quy luật khác quan của thị trường

C. Cơ chế thị trường định và sự điều tiết của Nhà nước Tư bản chủ nghĩa

D. Sự điều tiết hoàn toàn của Nhà nước do Đảng cộng sản lãnh đạo

Câu 9. Kinh tế thị trường định hướng Tư bản chủ nghĩa có sự điều tiết của Nhà nước Tư sản. Đúng hay Sai?

A. Sai

B. Đúng

Câu 10. Thành phần kinh tế nào nắm vai trò chủ đạo trong nền KTTT định hướng XHCN?

A. Kinh tế hỗn hợp

B. Kinh tế tư nhân

C. Kinh tế có vốn đầu tư của nước ngoài

D. Kinh tế Nhà nước

XII. TUẦN SỐ 12

Câu 1. Tác dụng của thể chế kinh tế thị trường là:

- A. Đảm bảo lợi ích cho các nhà tư bản
- B. Điều hoà mâu thuẫn trong xã hội Tư bản
- C. Điều chỉnh quan hệ lợi ích của các chủ thể kinh tế
- D. Đặt lợi ích của người lao động lên trên

Câu 2. Các bộ phận cấu thành thể chế là gì?

- A. Đường lối, luật pháp
- B. Các chủ thể trên thị trường
- C. Cơ chế thị trường và cơ chế vận hành của các chủ thể trên thị trường
- D. Tất cả các ý

Câu 3. Nhiệm vụ hoàn thiện thể chế về phát triển bền vững gắn với tiến bộ xã hội, an ninh quốc phòng là:

- A. Tăng trưởng kinh tế gắn với mở rộng phúc lợi, an sinh xã hội
- B. Tạo điều kiện cho các doanh nghiệp phát triển thương mại quốc tế
- C. Phát triển kinh tế gắn với bảo vệ môi trường
- D. Đổi mới căn bản, toàn diện về giáo dục và đào tạo

Câu 4. Đâu là nhiệm vụ nâng cao vai trò của Đảng trong hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường XHCN là:

- A. Phát huy dân chủ trong Đảng và trong toàn xã hội
- B. Nâng cao vai trò phát triển lý luận, hoạch định đường lối của Đảng
- C. Nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng
- D. Nâng cao vai trò chính đồn, giám sát, phòng chống tham nhũng

Câu 5. Cơ chế thị trường là:

- A. cơ chế phối hợp giữa các doanh nghiệp với nhau trên thị trường
- B. hệ thống tự điều tiết các quan hệ kinh tế thông qua các quy luật khách quan
- C. cơ chế đánh giá của bộ máy quản lý của Nhà nước với các doanh nghiệp
- D. hệ thống giám sát của bộ máy quản lý của Nhà nước đối với hoạt động sản xuất kinh doanh

Câu 6. Nhiệm vụ quan trọng nhất để hoàn thiện thể chế KTTT định hướng xã hội chủ nghĩa?

- A. Hoàn thiện thể chế về quyền sở hữu
- B. Hoàn thiện thể chế về phát triển các thành phần kinh tế

C. Hoàn thiện thể chế về phát triển đồng bộ các thị trường

D. Nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng

Câu 7. Chinh đồn, giám sát, phòng chống tham nhũng là nhiệm vụ hoàn thiện thể chế về:

A. Phát triển đồng bộ các thành phần kinh tế

B. Phát triển bền vững gắn với tiến bộ xã hội

C. Phát triển đồng bộ các loại hình doanh nghiệp

D. Nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng

Câu 8. Hoàn thiện bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ là nhiệm vụ hoàn thiện thể chế về

A. Phát triển các thành phần kinh tế

B. Phát triển đồng bộ các thị trường

C. Quyền sở hữu các bản quyền, phát minh, sáng chế

D. Nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng

Câu 9. Tăng cường xúc tiến thương mại quốc tế là nhiệm vụ hoàn thiện thể chế về Hội nhập kinh tế quốc tế. Đúng hay Sai?

A. Đúng

B. Sai

Câu 10. Đổi mới căn bản, toàn diện về giáo dục và đào tạo là nhiệm vụ hoàn thiện thể chế về phát triển bền vững gắn với tiến bộ xã hội. Đúng hay Sai?

A. Đúng

B. Sai

XIII. TUẦN SỐ 13**Câu 1. Vai trò của Lợi ích kinh tế:**

- A. Là mục tiêu của các hoạt động kinh tế - xã hội
- B. Là yếu tố tạo nên các động lực cho các hoạt động kinh tế - xã hội
- C. Là cơ sở để thực hiện lợi ích kinh tế, chính trị, xã hội
- D. Tất cả các phương án đều đúng**

Câu 2. Hai doanh nghiệp cạnh tranh thị phần trên thị trường. Đó là quan hệ lợi ích kinh tế gì?

- A. Quan hệ lợi ích kinh tế giữa Người lao động và Doanh nghiệp
- B. Quan hệ lợi ích kinh tế giữa Doanh nghiệp với nhau**
- C. Quan hệ giữa Lợi ích cá nhân với Lợi ích nhóm
- D. Quan hệ giữa Lợi ích cá nhân với Lợi ích xã hội

Câu 3. Lợi ích kinh tế chủ yếu của Tổ chức độc quyền dưới hình thức Cartel là:

- A. Lợi nhuận bình quân
- B. Lợi nhuận độc quyền cao**
- C. Thị phần cao ở nhiều ngành hàng
- D. Tất cả các phương án đều sai

Câu 4. Quan hệ lợi ích kinh tế nằm trong cả 3 mặt quan hệ sở hữu, quan hệ quản lý, quan hệ phân phối. Đúng hay Sai?

- A. Đúng**
- B. Sai

Câu 5. Hai nhân viên cùng nỗ lực để được đề bạt lên vị trí quản lý. Đó là quan hệ lợi ích kinh tế gì?

- A. Quan hệ lợi ích kinh tế giữa Doanh nghiệp với nhau
- B. Quan hệ lợi ích kinh tế giữa Người lao động và Doanh nghiệp
- C. Quan hệ lợi ích kinh tế giữa Người lao động với nhau**
- D. Quan hệ giữa Lợi ích cá nhân với Lợi ích xã hội

Câu 6. Lựa chọn nào là vai trò của Nhà nước để điều hoà các quan hệ lợi ích kinh tế tại Việt Nam?

- A. Kiểm soát, ngăn chặn các hoạt động tìm kiếm lợi ích phi pháp**
- B. Giải quyết xung đột trong quan hệ lợi ích kinh tế**
- C. Đảm bảo tuyệt đối lợi ích cho các Tổ chức Độc quyền

D. Phân phối lại thu nhập

Câu 7. Lợi ích kinh tế chủ yếu của chủ doanh nghiệp là:

A. Tiền công

B. Lãi suất

C. Lợi nhuận

D. Lợi tức

Câu 8. Các nhân tố ảnh hưởng tới quan hệ lợi ích kinh tế:

A. Trình độ của Lực lượng sản xuất

B. Vị trí của chủ thể

C. Thể chế về phân phối lợi ích kinh tế

D. Hội nhập kinh tế quốc tế

Câu 9. Mong muốn có lợi nhuận cao trong mùa dịch Covid, ông A tăng giá bán khẩu trang lên gấp 3 lần. Đó là quan hệ lợi ích kinh tế gì?

A. Quan hệ lợi ích kinh tế giữa Doanh nghiệp với nhau

B. Quan hệ lợi ích kinh tế giữa Người lao động và Doanh nghiệp

C. Quan hệ giữa Lợi ích nhóm với Lợi ích cộng đồng

D. Quan hệ giữa Lợi ích cá nhân với Lợi ích xã hội

Câu 10. Lợi ích kinh tế chủ yếu của người lao động là gì?

A. Tiền lương

B. Doanh thu

C. Lợi nhuận

D. Cổ tức

XIV. TUẦN SỐ 14

Câu 1. Việt Nam tiến hành công nghiệp hoá như thế nào để thích ứng với Cách mạng Công nghiệp 4.0?

- A. Phát triển lực lượng sản xuất, trên cơ sở thành tựu Cách mạng Cách mạng khoa học hiện đại
- B. Chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng nông nghiệp
- C. Điều chỉnh Quan hệ Sản xuất và Kiến trúc thượng tầng phù hợp với sự phát triển của LLSX
- D. Tăng tỷ trọng công nghiệp, dịch vụ, đồng thời tăng giá trị của các ngành

Câu 2. Cách mạng Công nghiệp 1.0 khởi nguồn từ quốc gia nào?

- A. Nước Nga
- B. Nước Mỹ
- C. Nước Anh
- D. Nước Pháp

Câu 3. Công nghiệp hoá là quá trình:

- A. Chuyển đổi căn bản, toàn diện về đầu tư, sản xuất kinh doanh, dịch vụ và quản lý kinh tế - xã hội
- B. Chuyển đổi từ sản xuất với công cụ thô sơ sang sản xuất với máy móc tân tiến nhất
- C. Chuyển đổi từ lao động thủ công sang lao động với công nghệ, phương tiện và phương pháp hiện đại
- D. Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật hiện đại, đạt năng suất lao động cao

Câu 4. Cơ khí hoá sản xuất là thành tựu từ cuộc Cách mạng Công nghiệp lần thứ mấy?

- A. Cách mạng Công nghiệp 1.0
- B. Cách mạng Công nghiệp 2.0
- C. Cách mạng Công nghiệp 3.
- D. Cách mạng Công nghiệp 4.0

Câu 5. Đặc trưng cơ bản nhất của cuộc cách mạng công nghiệp hiện đại theo quan điểm của Đảng ta xác định là gì?

- A. Khoa học kỹ thuật trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp
- B. Thay đổi về chất của tư liệu sản xuất
- C. Tất cả các phương án đều sai
- D. Siêu kết nối và siêu cơ sở dữ liệu

Câu 6. Máy tính cá nhân là thành tựu từ cuộc Cách mạng Công nghiệp lần thứ mấy?

- A. Cách mạng Công nghiệp 1.0

B. Cách mạng Công nghiệp 2.0

C. Cách mạng Công nghiệp 3.0

D. Cách mạng Công nghiệp 4.0

Câu 7. Cách mạng Công nghiệp 3.0 xuất hiện vào thời điểm nào?

A. Giữa thế kỷ XVIII

B. Giữa thế kỷ XIX

C. Cuối thế kỷ XIX

D. Cuối thế kỷ XX

Câu 8. Lý do Việt Nam thực hiện công nghiệp hoá?

A. Nền sản xuất Việt Nam với xuất phát điểm thấp

B. Sự bùng nổ Cách mạng Công nghiệp hiện đại đòi hỏi các quốc gia phải kịp thời thích ứng

C. Để phát triển Lực lượng sản xuất tạo ra năng suất lao động cao

D. Tất cả phương án đều đúng

Câu 9. Điện khí hoá sản xuất là thành tựu từ cuộc Cách mạng Công nghiệp lần thứ mấy?

A. Cách mạng Công nghiệp 1.0

B. Cách mạng Công nghiệp 2.0

C. Cách mạng Công nghiệp 3.0

D. Cách mạng Công nghiệp 4.0

Câu 10. Internet là thành tựu từ cuộc Cách mạng Công nghiệp lần thứ mấy?

A. Cách mạng Công nghiệp 1.0

B. Cách mạng Công nghiệp 2.0

C. Cách mạng Công nghiệp 3.0

D. Cách mạng Công nghiệp 4.0

XV. TUẦN SỐ 15**Câu 1. Sản xuất hàng hoá là:**

- A. là kiểu tổ chức chính trị mà sản phẩm được sản xuất nhằm mục đích trao đổi, mua bán
- B. Là kiểu tổ chức kinh tế mà sản phẩm được sản xuất nhằm mục đích để trao đổi, mua bán
- C. là kiểu tổ chức sản xuất - tiêu dùng mà sản phẩm được sản xuất nhằm mục đích trao đổi, mua bán
- D. Là kiểu tổ chức xã hội mà sản phẩm được sản xuất nhằm mục đích trao đổi, mua bán

Câu 2. Giá trị thặng dư tuyệt đối thu được là do:

- A. Kéo dài thời gian lao động thặng dư, trong khi thời gian lao động trong ngày không đổi
- B. Kéo dài thời gian lao động tất yếu, trong khi thời gian lao động trong ngày không đổi
- C. Kéo dài thời gian lao động trong ngày, trong khi thời gian lao động thặng dư không đổi
- D. Kéo dài thời gian lao động trong ngày, trong khi thời gian lao động tất yếu không đổi

Câu 3. Giá cả hàng hoá là:

- A. Lượng hao phí lao động của người sản xuất
- B. Chi phí tư liệu sản xuất để tạo ra sản phẩm
- C. Hình thức biểu hiện bằng tiền của giá trị
- D. Nội dung, cơ sở của sự trao đổi

Câu 4. Vai trò chủ yếu của Nhà nước khi tham gia vào thị trường là gì?

- A. Thiết lập giá bán hàng hoá trên thị trường
- B. Kết nối người mua và người bán trên thị trường
- C. Điều tiết nền kinh tế vĩ mô thông qua luật pháp, chính sách
- D. Sản xuất hàng hoá đáp ứng nhu cầu của xã hội

Câu 5. Cách mạng công nghiệp là sự thay đổi về chất của:

- A. Tư liệu sản xuất
- B. Tư liệu lao động
- C. Đối tượng lao động
- D. Công cụ lao động

Câu 6. Giá trị thặng dư là:

- A. Giá trị cũ được tạo nên từ giá trị tư liệu sản xuất, là kết quả từ hoạt động sản xuất kinh doanh của nhà tư bản
- B. Giá trị mới dôi ra ngoài giá trị sức lao động, do công nhân tạo ra và bị nhà tư bản chiếm đoạt

C. Một phần của giá trị mới, dôi ra ngoài giá trị sức lao động do công nhân tạo ra và bị nhà tư bản chiếm đoạt

D. Một phần giá trị cũ, dôi ra ngoài giá trị sức lao động do công nhân tạo ra và bị nhà tư bản chiếm đoạt

Câu 7. Tập đoàn Samsung (Hàn Quốc) xây dựng nhà máy tại tỉnh Bắc Ninh (Việt Nam) để sản xuất linh kiện và lắp ráp thiết bị di động. Đây là hình thức xuất khẩu tư bản gì?

A. Xuất khẩu tư bản trực tiếp

B. Xuất khẩu tư bản Nhà nước

C. Xuất khẩu tư bản cho vay

D. Xuất khẩu tư bản gián tiếp

Câu 8. Tích tụ tư bản và tập trung tư bản giống nhau ở điểm nào?

A. Đều có nguồn gốc trực tiếp giống nhau

B. Đều làm tăng quy mô tư bản cá biệt

C. Đều phản ánh mối quan hệ giữa các nhà tư bản

D. Đều làm tăng quy mô tư bản xã hội

Câu 9. Trong nền Kinh tế thị trường định hướng Xã hội chủ nghĩa, thành phần kinh tế nào được cho là nắm vai trò chủ đạo?

A. Kinh tế tư bản nhà nước

B. Kinh tế nhà nước

C. Kinh tế tập thể

D. Kinh tế tư nhân

Câu 10. Đặc trưng của thuộc tính Giá trị hàng hoá là:

A. Là phạm trù vĩnh viễn

B. Tất cả các phương án đều sai

C. Được thể hiện trong tiêu dùng

D. Chỉ tồn tại khi có sự trao đổi hàng hoá

Câu 11. Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của Chủ nghĩa Xã hội, đặt lợi ích của nhân dân lên hàng đầu, hướng tới xã hội "dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh" phản ánh đặc trưng gì của nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam?

A. Quan hệ quản lý, phân phối

B. Mục tiêu của nền kinh tế

C. Kiến trúc thượng tầng

D. Quan hệ sở hữu về tư liệu sản xuất

Câu 12. "Sự tách biệt tương đối về mặt kinh tế giữa các nhà sản xuất" nghĩa là:

A. Làm cho những người sản xuất độc lập với nhau dựa trên sự tách biệt về sở hữu tư liệu sản xuất

B. Làm cho những người sản xuất độc lập với nhau dựa trên sự tách biệt về sở hữu sức lao động

C. Làm cho những người sản xuất độc lập với nhau dựa trên sự tách biệt về sở hữu tư liệu tiêu dùng

D. Làm cho những người sản xuất độc lập với nhau dựa trên sự tách biệt về chuyên môn, nghiệp vụ

Câu 13. Đối mới căn bản, toàn diện về giáo dục và đào tạo là nhiệm vụ hoàn thiện thể chế về:

A. Thúc đẩy hội nhập quốc tế

B. Phát triển đồng bộ các yếu tố thị trường

C. Phát triển bền vững gắn với tiến bộ xã hội

D. Phát triển các thành phần kinh tế

Câu 14. Trong các nội dung sau, nội dung nào không đúng với đặc trưng kinh tế thị trường?

A. Là kinh tế hàng hoá mở, hội nhập và gồm nhiều loại thị trường khác nhau

B. Là kinh tế hàng hoá mà mọi quan hệ sản xuất và trao đổi đều chịu sự quyết định của Nhà nước

C. Là kinh tế hàng hoá gồm nhiều thành phần kinh tế, nhiều hình thức sở hữu

D. Là kinh tế hàng hoá phát triển tới trình độ cao, vận hành theo cơ chế thị trường

Câu 15. Đây là điểm khác biệt giữa Kinh tế thị trường định hướng Xã hội chủ nghĩa (XHCN) và Kinh tế thị trường Tư bản chủ nghĩa (TBCN)?

A. Trong kinh tế thị trường định hướng XHCN, chỉ tồn tại thành phần kinh tế nhà nước

B. Trong kinh tế thị trường định hướng XHCN, Nhà nước quyết định mọi quan hệ sản xuất và trao đổi trên thị trường

C. Trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, Nhà nước do Đảng Cộng sản lãnh cầm quyền

D. Trong kinh tế thị trường định hướng XHCN, phân phối thu nhập thông qua phúc lợi xã hội là chủ đạo

Câu 16. Mạng thông tin toàn cầu Internet là thành tựu của:

A. Cách mạng Công nghiệp lần thứ ba

B. Cách mạng Công nghiệp lần thứ hai

C. Cách mạng Công nghiệp lần thứ nhất

D. Cách mạng Công nghiệp lần thứ tư

Câu 17. Tăng năng suất lao động và Tăng cường độ lao động đều làm tăng:

A. Số lượng sản phẩm sản xuất ra

- B. Thời gian lao động để tạo ra mỗi sản phẩm
- C. Hao phí lao động để tạo ra mỗi sản phẩm
- D. Giá trị tổng sản phẩm của doanh nghiệp

Câu 18. ĐỀ BÀI TẬP ÁP DỤNG CHO 9 CÂU HỎI DƯỚI ĐÂY

Nhà tư bản ngành cơ khí chế tạo máy đã ứng ra chi phí sản xuất với cấu tạo hữu cơ tư bản 8/1, và có trình độ bóc lột 200%. Về sau, năng suất lao động xã hội trong toàn bộ chuỗi sản xuất hàng tiêu dùng tăng lên, làm cho mặt bằng giá trị hàng tiêu dùng giảm 20%, nên nhà tư bản đã giảm lương công nhân tương ứng. Tuy nhiên, năng suất lao động, thời gian lao động 8h/ngày của công nhân, và quy mô sản lượng là không thay đổi. Kết quả, về sau tổng chi phí sản xuất là 5.280.000\$.

LƯU Ý: CHỈ ĐIỀN SỐ, KHÔNG ĐIỀN KÝ TỰ NGẮN CÁCH (CHẤM, PHẨY, DẤU CÁCH) GIỮA CÁC SỐ, KHÔNG ĐIỀN ĐƠN VỊ TÍNH

Hỏi tổng chi phí nhân công mà Nhà tư bản phải trả cho người lao động ban đầu là bao nhiêu USD?

Đáp án: 600000

Câu 19. Hỏi khối lượng giá trị thặng dư ban đầu nhà tư bản thu được là bao nhiêu USD?

Đáp án: 1200000

Câu 20. Hỏi chi phí tư liệu sản xuất ban đầu là bao nhiêu USD?

Đáp án: 4800000

Câu 21. Hỏi tổng chi phí nhân công mà Nhà tư bản phải trả cho người lao động về sau là bao nhiêu USD?

Đáp án: 480000

Câu 22. Hỏi Khối lượng Giá trị mới về sau là bao nhiêu USD?

Đáp án: 1800000

Câu 23. Hỏi tỷ suất lợi nhuận về sau là bao nhiêu phần trăm?

Đáp án: 25

Câu 24. Trình độ bóc lột của Nhà tư bản thay đổi như thế nào?**A. Tăng từ 200% lên 275%**

- B. Tăng từ 200% lên 300%
- C. Tăng từ 200% lên 375%
- D. Tăng từ 200% lên 350%

Câu 25. Quy mô bóc lột của Nhà tư bản về sau tăng thêm bao nhiêu USD?

Đáp án: 120000



Câu 26. Sự thay đổi tỷ suất giá trị thặng dư, khối lượng giá trị thặng dư, tỷ suất lợi nhuận là do:

- A. Do nhà tư bản áp dụng phương pháp sản xuất giá trị thặng dư tuyệt đối và thực hiện tích lũy tư bản
- B. Do nhà tư bản áp dụng phương pháp sản xuất giá trị thặng dư tương đối
- C. Do nhà tư bản thực hiện tích lũy tư bản nên làm tăng cấu tạo hữu cơ của tư bản
- D. Do nhà tư bản áp dụng phương pháp sản xuất giá trị thặng dư tương đối**

Câu 27. Hình thức tổ chức độc quyền nào độc lập về sản xuất hàng hoá?

- A. Trust và Cartel
- B. Cartel và Syndicate**
- C. Tất cả phương án đều sai
- D. Syndicate và Trust

Câu 28. Khối lượng tiền cần thiết cho lưu thông có mối quan hệ như thế nào với số vòng quay trung bình của tiền?

- A. Nhỏ hơn
- B. Tỷ lệ thuận
- C. Lớn hơn
- D. Tỷ lệ nghịch**

Câu 29. Rà soát, bổ sung khung pháp lý tăng cường xúc tiến thương mại và đầu tư quốc tế, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia là nhiệm vụ hoàn thiện thể chế về:

- A. Nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng
- B. Tăng trưởng kinh tế gắn với phát triển bền vững
- C. Thúc đẩy hội nhập quốc tế**
- D. Phát triển đồng bộ các yếu tố thị trường

Câu 30. Quá trình Công nghiệp hoá trong thời kỳ Cách mạng Công nghiệp hiện đại đòi hỏi Việt Nam cần "chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế theo hướng hiện đại, hợp lý và hiệu quả", cụ thể là:

- A. Tăng tỷ trọng của ngành công nghiệp và dịch vụ, giảm tỷ trọng của ngành nông nghiệp trong GDP (nhưng cả 3 ngành đều tăng về giá trị)**
- B. Tăng giá trị của ngành dịch vụ, giảm giá trị của ngành công nghiệp, nông nghiệp trong GDP (nhưng cả 3 ngành đều tăng về sản lượng)
- C. Tăng giá trị của ngành công nghiệp và dịch vụ, giảm giá trị của ngành nông nghiệp trong GDP (nhưng cả 3 ngành đều tăng về sản lượng)

D. Tăng tỷ trọng của ngành công nghiệp và nông nghiệp, giảm tỷ trọng của ngành dịch vụ trong GDP (nhưng cả 3 ngành đều tăng về giá trị)

Câu 31. Điểm khác biệt giữa hai hình thức tổ chức độc quyền Concern và Conglomerate đó là:

A. Các ngành của Concern có liên hệ về kỹ thuật còn các ngành của Conglomerate không nhất thiết phải liên hệ với nhau về mặt kỹ thuật

B. Concern chi phối thị trường toàn cầu còn Conglomerate chi phối thị trường trong phạm vi một quốc gia

C. Concern là tổ chức độc quyền thao túng nhiều ngành hàng còn Conglomerate là tổ chức độc quyền thao túng một ngành hàng

D. Tất cả các phương án đều sai

Câu 32. Nhân tố nào ảnh hưởng tới quan hệ lợi ích kinh tế?

A. Tất cả các phương án đều đúng

B. Trình độ phát triển của lực lượng sản xuất

C. Hội nhập kinh tế quốc tế

D. Chính sách phân phối thu nhập của Nhà nước

Câu 33. Nội dung nào không phản ánh vai trò của Nhà nước trong việc điều hoà các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam?

A. Ngăn chặn các hoạt động tìm kiếm lợi ích phi pháp

B. Đảm bảo tuyệt đối lợi ích cho các Tổ chức Độc quyền

C. Giải quyết xung đột trong quan hệ lợi ích kinh tế

D. Phân phối lại thu nhập giữa các chủ thể kinh tế

Câu 34. Trong nền Kinh tế thị trường định hướng Xã hội chủ nghĩa, có những hình thức phân phối thu nhập cơ bản nào?

A. Phân phối theo lao động

B. Phân phối theo phúc lợi

C. Phân phối theo vốn góp

D. Tất cả các phương án đều đúng

Câu 35. Lựa chọn nào dưới đây không phải là hàng hoá?

A. Vaccine Covid-19 được nhập khẩu

B. Khẩu trang y tế bán ở hiệu thuốc

C. Rau quả được nông dân tặng cho khu cách ly



D. Su hào giải cứu được bày bán

Câu 36. Tiền nhất thiết phải có đủ giá trị khi thực hiện chức năng:

A. Chức năng phương tiện cất trữ

B. Tất cả các chức năng của tiền

C. Chức năng phương tiện thanh toán

D. Chức năng phương tiện lưu thông

Câu 37. Theo quy luật cung - cầu, giá cả thị trường thường cao hơn giá trị hàng hoá trong sản xuất khi:

A. Cung bằng Cầu

B. Cầu giảm, Cung tăng

C. Cung nhỏ hơn Cầu

D. Cung lớn hơn Cầu

Câu 38. Lợi ích kinh tế nào được các chủ doanh nghiệp quan tâm chủ yếu:

A. Địa vị xã hội

B. Lợi nhuận

C. Mối quan hệ làm ăn

D. Tiền lương

Câu 39. Chính sách nào sau đây của nhà nước có thể điều hòa các quan hệ lợi ích kinh tế, phân phối lại thu nhập?

A. Chính sách phát triển khoa học công nghệ

B. Chính sách bảo vệ tài nguyên

C. Chính sách thuế

D. Chính sách giải quyết việc làm

Câu 40. Hệ thống luật pháp quy tắc, bộ máy quản lý và cơ chế vận hành để điều chỉnh các mối quan hệ và hoạt động của các chủ thể kinh tế được gọi là:

A. Thể chế xã hội

B. Thể chế văn hóa

C. Thể chế chính trị

D. Thể chế kinh tế